BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

NGUYỄN ANH HOÀNG*
TĂNG VĂN HOÀNG**

Bài viết đưa ra một số quan điểm về người bị buộc tội trong tố tụng hình sự; một số quan niệm về bảo đảm quyền con người và quyền của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam. Từ những cơ sở lý luận đã nêu, bài viết phân tích về những hạn chế và bất cập trong việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: *Bảo đảm quyền con người; người bị buộc tội; xét xử sơ thẩm; tố tụng hình sự.*

The article provides some views on the accused person in criminal proceedings; some notions on ensuring human rights and the rights of the accused person in criminal proceedings in Vietnam. From the aforementioned theoretical bases, the article offers some analysis of the limitations and shortcomings in ensuring the human rights of the accused in the first-instance trial of the criminal case and makes some recommendations to strengthen the guarantee of the human rights of the accused at present.

Keywords: *Ensuring human rights; the accused; first-instance trials; criminal proceedings.*

NGÀY NHẬN: 22/6/2023 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/7/2023 NGÀY DUYỆT: 16/8/2023

DOI: hppts:/doi.org/10.59394/qlnn.331.2023.577

1. Một số quan niệm về người bị buộc tội trong pháp luật tố tụng hình sự

Thuật ngữ "người bị buộc tội" (NBBT) lần đầu tiên xuất hiện trong *Hiến pháp* năm 2013 quy định tại Điều 31. Cụ thể hóa khái niệm NBBT trong *Hiến pháp* năm 2013, *Bộ luật Tố tụng hình sự* (BLTTHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã có nhiều quy định cụ thể liên quan trực tiếp đến NBBT, trong đó có việc giải thích thuật ngữ NBBT và xác định các quyền, nghĩa vụ của họ như sau:

Tại điểm đ khoản 1 Điều 4 *BLTTHS* năm 2015 quy định: "Người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo". Có thể thấy, nội hàm của khái niệm NBBT mới chỉ dừng lại ở hình thức liệt kê với tư cách là các chủ thể tham gia tố tụng hình sự (TTHS) mà chưa làm rõ được một cách khái quát nội dung của các thành tố tạo nên chủ thể đó. Trước hết, phải khẳng định, NBBT là người hoặc pháp nhân thương mại bị tình nghi thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, họ không phải bị tình nghi thực hiện tội phạm một cách thiếu căn cứ, mà sự tình nghi này phải được đặt

* *NCS, Trường Đại học Luật Hà Nội*
** *NCS, Trường Đại học Luật Hà Nội*

trong một tiến trình TTHS theo luật định. Việc tình nghi trong TTHS khác hẳn với sự ngờ vực hay suy đoán mang tính chủ quan, cảm tính của cá nhân con người với con người trong đời sống xã hội. Trong trường hợp này, người hoặc pháp nhân thương mại bị tình nghi thực hiện tội phạm được đặt trong hoàn cảnh họ bị cơ quan, người có thẩm quyền dựa vào các căn cứ trên thực tế để xác định rằng, họ là chủ thể đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội được *Bộ luật Hình sự* quy định.

NBBT phải là người hoặc pháp nhân thương mại đã bị cơ quan, người có thẩm quyền đưa ra một quyết định tố tụng cụ thể như: lệnh bắt; quyết định tạm giữ; quyết định khởi tố bị can; quyết định truy tố; quyết định đưa vụ án ra xét xử… Tại điểm đ khoản 1 Điều 4 *BLTTHS* năm 2015 cho thấy, NBBT chỉ bao gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, do đó, phạm vi những người được xác định là NBBT như vậy là chưa đầy đủ. Vì vậy, cần bổ sung thêm cả người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp cũng là NBBT.

2. Một số quan niệm về bảo đảm quyền con người và quyền của người bị buộc tội trong pháp luật tố tụng hình sự

Bảo đảm quyền con người (QCN) của NBBT trong TTHS là một trong những phần có tính chất đặc thù của bảo đảm QCN nói chung. Đứng dưới mức độ khái quát nhất thì bảo đảm QCN trong TTHS là những yếu tố để QCN được ghi nhận, thực thi trong quá trình giải quyết vụ án nhằm tôn trọng phẩm giá của con người trong mọi hoàn cảnh. Việc bảo đảm QCN trong TTHS là đóng góp tích cực, hiệu quả trong bảo đảm QCN nói chung.

Bảo đảm QCN của NBBT trong TTHS là nhiệm vụ của Nhà nước với cơ chế phù hợp trong điều kiện kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của mình. Bảo đảm QCN mang tính chất đặc thù xuất phát từ những đặc điểm của TTHS là một lĩnh vực hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước mà ở đó việc hạn chế các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân là không thể tránh khỏi và các quyền và lợi ích đó có thể bị xâm phạm một cách nghiêm trọng bởi những người đại diện cho công quyền.

Quyền của NBBT đã được quy định tại Điều 48, 49, 50 *BLTTHS* năm 2003 nhưng chưa được đầy đủ. Do đó, *Hiến pháp* năm 2013 đã bổ sung thêm các quy định nhằm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN, quyền công dân. Kế thừa quan điểm của *Hiến pháp* năm 2013, *BLTTHS* năm 2015 đã cụ thể hóa quyền của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo tại Điều 58, 59, 60, 61 của *Bộ luật* này. Những quy định mới về quyền của NBBT có thể khái quát ở các quyền: được nhận các quyết định tố tụng liên quan đến mình; có quyền đưa ra các chứng cứ; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; bị cáo có quyền trực tiếp hỏi những người tham gia tố tụng nếu được chủ tọa phiên tòa đồng ý...

3. Những hạn chế và bất cập

Một là, về quyền hạn của Tòa án trong việc khởi tố vụ án. Khoản 4 Điều 153 *BLTTHS* năm 2015 quy định: "Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm". Quy định này không phù hợp với địa vị pháp lý và chức năng trong tố tụng của Tòa án, chồng chéo với chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát. Việc quy định cho Tòa án có quyền khởi tố vụ án hình sự làm cho Tòa án cùng một lúc đóng hai vai vừa đóng vai trò của cơ quan công tố, vừa là chủ thể xét xử. Vì vậy, nếu Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án cũng có nghĩa là Tòa án đang "lấn sân" sang chức năng công tố của Viện kiểm sát và ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập trong xét xử của Tòa án.

Hai là, về thẩm quyền xét xử của Tòa án trong trường hợp Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố. Điều 325 *BLTTHS* năm 2015 quy định khi kiểm sát viên (KSV) quyết định rút toàn bộ quyết định truy tố thì hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án. Quy định này cũng thể hiện sự mâu thuẫn giữa chức năng xét xử của Tòa án và chức năng công tố của Viện kiểm sát. Khi KSV đại diện cho Viện kiểm sát rút quyết định truy tố nghĩa là căn cứ của việc xét xử không còn thì không còn lý do gì để Tòa án xét xử vụ án nữa, nếu Tòa án vẫn tiếp tục xét xử khi KSV đã rút quyết định truy tố thì vô hình trung Tòa án đã thực hiện cả hai chức năng truy tố và xét xử.

Ba là, về trình tự xét hỏi của thẩm phán - chủ tọa phiên tòa trong thủ tục xét hỏi tại phiên tòa. Tại Điều 307 *BLTTHS* năm 2015 quy định về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa đã nêu rõ, thẩm phán - chủ tọa phiên tòa là người điều hành việc xét hỏi và là người hỏi trước, hỏi chính, sau đó quyết định để hội thẩm, KSV hoặc người tham gia tố tụng khác xét hỏi. Quy định về thứ tự xét hỏi này đã dẫn đến việc thẩm phán làm thay việc của KSV, không thể hiện đúng tinh thần của hoạt động tranh tụng. Thẩm phán là người điều hành xét hỏi là đúng nhưng nếu thẩm phán là người hỏi trước, hỏi chính thì vô hình trung đã làm thay nhiệm vụ của KSV trong việc làm rõ chứng cứ buộc tội tại phiên tòa và làm mất đi vị trí là người trọng tài trung lập.

Bốn là, về quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của KSV. Tại khoản 1 Điều 42 *BLTTHS* năm 2015 quy định, cơ quan Viện kiểm sát có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS. Việc quy định này ít nhiều sẽ làm cho Tòa án bị lệ thuộc theo quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát bởi vì Tòa án luôn đặt mình trong trạng thái bị kiểm sát bởi chính chủ thể đang tiến hành tố tụng vừa thực hiện chức năng buộc tội và đề nghị mức án vừa kiểm sát hoạt động xét xử.

4. Một số kiến nghị nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, đã yêu cầu xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật. Trên tinh thần quán triệt nghị quyết của Đảng, một số đề xuất cụ thể như sau:

Thứ nhất, sửa đổi quy định quyền hạn của Tòa án trong việc khởi tố vụ án tại khoản 4 Điều 153 *BLTTHS* năm 2015 cũng như quy định chứng minh tội phạm của Tòa án. Vì vậy, cần hủy bỏ quy định về trách nhiệm và thẩm quyền khởi tố vụ án của Tòa án tại khoản 4 Điều 153 *BLTTHS* năm 2015; đồng thời hủy bỏ quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Tòa án tại Điều 15 *BLTTHS* năm 2015. Chính sự hủy bỏ các quyền và nghĩa vụ này giúp đưa Tòa án về một chức năng duy nhất của mình, đó là chức năng xét xử. Còn việc khởi tố vụ án hoặc chứng minh vụ án là trách nhiệm của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát.

Thứ hai, sửa đổi thẩm quyền xét xử của Tòa án trong trường hợp Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố. Cụ thể, cần quy định trong trường hợp Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố thì Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án bởi lẽ nguyên tắc xét xử chỉ xuất hiện khi xuất hiện sự cáo buộc hay nói cách khác khi có hoạt động truy tố thì mới có hoạt động xét xử. Do đó, Điều 325 *BLTTHS* năm 2015 cần sửa lại như sau:

"*Điều 325. Xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa.*

1. Khi kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử nội dung phần không bị rút.

2. Trường hợp kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi nghị án thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ vụ án".

Thứ ba, sửa đổi quy định xét hỏi của thẩm phán - chủ tọa phiên tòa trong thủ tục xét hỏi. Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa là người điều hành việc xét hỏi, chủ tọa phiên tòa quyết định để KSV và người bào chữa hỏi trước, sau đó đến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Do đó, Điều 307 *BLTTHS* năm 2015 nên sửa như sau:

"Điều 307. Trình tự xét hỏi.

1. Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.

2. Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa quyết định để KSV và người bào chữa hỏi trước, sau đó đến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Hội đồng xét xử hỏi sau cùng trong trường hợp cần làm rõ các tình tiết của vụ án".

Thứ tư, cần có cơ chế tách riêng nhiệm vụ công tố trước tòa và nhiệm vụ kiểm sát xét xử thành hai cơ quan độc lập. Từ kinh nghiệm của một số nước thì việc tách riêng nhiệm vụ công tố và kiểm sát xét xử giúp cho các chủ thể thực hiện tốt hơn mỗi nhiệm vụ. Khi tách thành cơ quan công tố riêng biệt sẽ đưa công tố về đúng chức năng của nó đó là việc trực tiếp ra các quyết định trong giai đoạn điều tra và thực hành quyền công tố tại tòa. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Điều 20 *BLTTHS* năm 2015 để tách biệt chức năng kiểm sát và công tố cho hai cơ quan riêng biệt nhằm hiện tốt cả hai chức năng trên như sau:

"Điều 20. Trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự.

Viện công tố thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.

Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự, kiểm sát tính hợp pháp trong hoạt động của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nhằm bảo đảm mọi vi phạm pháp luật của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng theo quy định của pháp luật".

5. Kết luận

Bảo đảm QCN của NBBT trong TTHS mà cụ thể là giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một trong những cơ chế chủ đạo nhất trong hoạt động tố tụng. Để tránh xảy ra án oan, sai hoặc xâm phạm đến quyền của người bị buộc tội cần phải xác lập rõ ràng các nguyên tắc về quyền của NBBT trong TTHS nói chung và xét xử vụ án hình sự nói riêng để qua đó giúp các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cũng như bản thân NBBT có được nhận thức toàn diện, đầy đủ về các quyền năng pháp lý của mình khi tham gia tố tụng❐

Tài liệu tham khảo:

1. *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

2. Nguyễn Anh Hoàng. *Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.* Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 6/2021.

3. Trần Thị Liên. *Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam.* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2021.

4. *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*